

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS - PT

Ngày 11 - 01- 2022

*V/v “Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất, di dời chỗ
ở trả lại đất, đòi lại tài sản,
bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Võ Hoàng Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh
Giếng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLPT -
DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, di
dời chỗ ở trả lại đất, đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS - ST, ngày 22 tháng 9 năm 2020
của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2021/QĐPT - DS
ngày 01 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐ – PT ngày
30 tháng 6 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 102/TB – TA ngày 16 tháng
12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm A, sinh năm 1964. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp S A, xã P, huyện T, Hậu Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương

Thanh Việt là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 37, đường Ngô Quốc Trị, Phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Chung Thị U, sinh năm 1969. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp S A, xã P, huyện T, tỉnh Hậu Giang

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị Cẩm L – sinh năm 1983. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Phú, xã P, huyện T, Hậu Giang

3.2. Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2002. (Vắng mặt).

3.3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp (*Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020*): Bà Chung Thị U.

Địa chỉ: Ấp S A, xã P, huyện T, tỉnh Hậu Giang

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A, bị đơn Chung Thị U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A trình bày: Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn V sinh năm 1939 (mất năm 1994) và Nguyễn Thị B sinh năm 1946 (mất năm 1984); có tất cả là 03 người con là Nguyễn Thị Cẩm A, sinh năm 1964, Nguyễn Văn N (sinh năm 1965; mất năm 2012) và Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1983, cha mẹ chết có để lại phần đất tổng diện tích là 3.410m² bao gồm diện tích tại thửa 600 diện tích 478m² (loại đất T), thửa 601 diện tích 2.932m² loại đất 2L tại tờ bản đồ 04, khi cha mẹ mất không có để lại di chúc và thừa kế cho ai trong gia đình. Tuy nhiên, bà không rõ lý do vì sao em bà là ông Nguyễn Văn N (đã chết năm 2012) cùng vợ là bà Chung Thị U đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ bà để lại. Nay bà U còn đuổi bà cùng đứa em gái là Nguyễn Thị Cẩm L không cho ở trên phần đất của cha mẹ để lại. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà A xác định khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật phần đất của cha mẹ để lại theo lược đồ ngày 17/8/2020 tại các vị trí (B1) là 1.319,8m² và (B2)

diện tích 1.125,2m² và vị trí A diện tích là 843m² các phần đất thuộc thửa 600 và 601 và bà yêu cầu nhận 01 suất thừa kế.

Đối với phần đất yêu cầu chia hiện tại bà đang canh tác một phần. Sau khi ông N mất thì bà và bà U thỏa thuận chia nhau mỗi người 01 bờ để canh tác, cùng lên líp phía sau để trồng cây như: Chanh, Cóc, Mít...; tổng chi phí lên líp là 12.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn N hiện đang do bà giữ vì giấy trên là do ông N đưa bà giữ lúc còn sống.

Vào năm năm 2019, bà thừa nhận có đập phần chuồng heo của bà U để coi nói thêm phần nhà sau của bà. Bà không đồng ý tháo dỡ di dời nhà trả lại đất cho bà U vì phần đất này là của cha mẹ để lại. Hiện nay bà không còn chỗ ở nào khác, lúc còn sống thì ông N và bà U đã cho bà cất nhà tại vị trí này và ở cho đến nay. Bà xây dựng căn nhà vào năm 2008, bà và con trai tên Nguyễn Văn K đang sinh sống trên căn nhà này.

Bị đơn bà Chung Thị U trình bày: Vào năm 1998 chồng bà là ông Nguyễn Văn N được thừa kế phần đất của cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn V sinh năm 1939 (mất năm 1994) và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1946 (mất năm 1984) để lại; cha mẹ chồng có tất cả là 03 người con là Nguyễn Thị Cẩm A - sinh năm 1964, Nguyễn Văn N sinh năm 1965 và Nguyễn Thị Cẩm L – sinh năm 1983, ông V và bà B chết có để lại phần đất tổng diện tích là theo giấy chứng nhận là 3.410m² bao gồm diện tích tại thửa 600, diện tích 478m² đất T, thửa 601 diện tích 2.932m² loại đất 2L, phần đất tại ấp S A, xã P, huyện T, Hậu Giang. Nhưng vào năm 1998 chồng bà được anh chị em trong gia đình nhường quyền thừa kế phần đất của cha mẹ để lại và vợ chồng bà đã kê khai và được cấp Giấy CNQSDĐ từ năm 1998 cho đến nay. Đến năm 2002 bà A thôi chồng nên về sống với gia đình bà đến năm 2008 vợ chồng bà cho bà A cất nhà ở tạm trên đất của gia đình và có cho bà A mượn 01 cái bờ để canh tác làm phương tiện sinh sống và nuôi con. Sau khi ông N qua đời vào năm 2012 thì đến năm 2019 thì bà A xây cất lại chái nhà và tự ý đập phá chuồng heo có chiều ngang 2m chiều dài 7m giá trị khoảng 4.000.000 đồng của bà, để xây cất thêm nhà sau. Lúc đó, bà có trình báo chính quyền địa phương đến để can thiệp. Bà yêu cầu bà A di dời nhà trả lại diện tích đất mà bà A đang ở và canh tác khoảng hơn 1000m², trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000542 do UBND huyện CT cũ nay là huyện T cấp ngày 22/7/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn

N và bà Chung Thị U đứng tên và bồi thường số tiền 4.000.000 đồng tiền bà A đập phá chuồng heo của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm bà U rút yêu cầu đòi bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của bà A là đúng, bà là con ông Nguyễn Văn V và Nguyễn Thị B; cha mẹ có tất cả là 03 người con là Nguyễn Thị Cẩm A, Nguyễn Văn N và bà, cha mẹ chết có để lại phần đất tổng diện tích là theo giấy chứng nhận là 3.410m² bao gồm diện tích tại thửa 600, diện tích 478m² đất T, thửa 601 diện tích 2.932m² loại đất 2L, phần đất tại ấp S A, xã P, huyện T, Hậu Giang. Bà thống nhất với kết quả đo đạc thực tế của Tòa án và yêu cầu chia theo quy định pháp luật và bà yêu cầu được nhận 01 suất thừa kế phần đất theo kết quả đo đạc tại lược đồ ngày 17/8/2020 yêu cầu chia phần đất tại các vị trí tại các vị trí B1 là 1.319,8m² và B2 diện tích 1.125,2m² và vị trí A diện tích là 843m² tại các thửa 601 và 600 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N, bà U đứng tên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh là con của ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Chung Thị U, hiện tại anh và mẹ ruột là bà U đang ở trên đất từ nhỏ đến nay. Anh không có ý kiến hay yêu cầu chia thừa kế gì trong vụ án này, đề nghị không mời anh tham gia tố tụng, không yêu cầu chia thừa kế phần đất này. Việc tranh chấp để cho bà Chung Thị U và bà Nguyễn Thị Cẩm A đứng ra giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh là con của bà Nguyễn Thị Cẩm A, việc tranh chấp giữa bà A và bà U anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS - ST, ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Cẩm L về việc chia thừa kế.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Chung Thị U về yêu cầu trả lại phần đất vườn và yêu cầu bị đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đinh chỉ yêu cầu của bà Chung Thị U về việc bồi thường thiệt hại là 4.000.000 đồng.

Ôn định cho bà Nguyễn Thị Cẩm A phần diện tích nhà đất có diện tích 140m² tại vị trí 1 theo sơ đồ thửa đất ngày 17/8/2020.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm A phải có trách nhiệm giao trả lại phần đất đang sử dụng có diện tích 1125,2 m² thuộc thửa 601 loại đất LUC tại vị trí B2 và trả lại (01) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000542 do UBND huyện CT cũ (nay là huyện T) cấp ngày 22/7/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn N và bà Chung Thị U đứng tên cho bà Chung Thị U.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm A có trách nhiệm trả cho bà Chung Thị U số tiền 9.800.000 đồng giá trị đất đang ở.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chung Thị U có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm A số tiền cây trồng là 57.595.000 đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A, bị đơn bà Chung Thị U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L kháng cáo bản án sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm A yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và chia thừa kế phần đất qua đo đạc thực tế cho bà và bà L.

Bà Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và chia thừa kế phần đất qua đo đạc thực tế cho bà và bà A.

Bà Chung Thị U không đồng ý trả cho bà A số tiền 51.595.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn bà Chung Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Cẩm A:

Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông Nguyễn Văn N và bà Chung Thị U căn cứ vào tờ nhượng quyền thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Cẩm A và bà Nguyễn Thị Cẩm L là không đúng. Vì tại thời điểm đó bà L chỉ mới 15 tuổi, chưa thành niên. Bà U và ông N chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Bà U không có quyền sử dụng đất và thừa kế quyền sử dụng đất do ông N chết để lại. Nhưng Tòa

án cấp sơ thẩm quyết định giao đất và công nhận quyền sử dụng đất cho bà U là không đúng đối tượng. Bản án sơ thẩm có nhiều sai sót và vi phạm tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm khó khắc phục được. Tuy nhiên, tránh để kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà A, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ V và cụ B cho bà A đối với phần đất bà A đang thực tế sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót về thẩm định, xem xét tại chỗ, đo vẽ lược đồ dẫn đến Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được. Tại thời điểm UBND huyện CT, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N thì bà A và bà L là thành viên sử dụng đất trong hộ. Do đó, cần phải xem xét quyền sử dụng đất đang có tranh chấp là di sản thừa kế của cụ V, cụ B để lại hay là quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa phúc thẩm không khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chưa xem xét kháng cáo của các đương sự. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn V và cụ Nguyễn Thị B chết để lại. Phần đất tọa lạc tại ấp S A, xã P, huyện T, tỉnh Hậu Giang. Bị đơn bà Chung Thị U phản tố yêu cầu nguyên đơn di dời chỗ ở trả lại đất, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn đang quản lý và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 14

Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A, bị đơn bà Chung Thị U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự bà Nguyễn Thị Cẩm A và bà Nguyễn Thị Cẩm L

[2.1] Nguồn gốc đất tranh chấp

Cụ Nguyễn Văn V (đã chết năm 1994) và cụ Nguyễn Thị B (đã chết năm 1984) có tất cả 03 người con là bà Nguyễn Thị Cẩm A, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Cẩm L. Cụ V và cụ B chết không để lại di chúc. Di sản để lại tổng diện tích là theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.410m², tại thửa 600, diện tích 478m² đất T; thửa 601 diện tích 2.932m² loại đất 2L, đất tọa lạc tại ấp S A, xã P, huyện T, tỉnh Hậu Giang. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 17/8/2020 của Công ty TNHH Đo đạc bản đồ ACB Hậu Giang, cụ thể các đương sự thống nhất yêu cầu chia và giải quyết đối với phần đất có diện tích cụ thể tại các vị trí (B1) diện tích là 1.319,8m²; (B2) diện tích là 1.125,2m² và vị trí A có diện tích 843m².

[2.2] Về quá trình quản lý sử dụng đất

Vào ngày 11/7/1998 sau khi cụ B và cụ V chết, ông Nguyễn Văn N đã có đơn xin thừa kế quyền sử dụng đất (bút lục số 88). Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N thể hiện có biên bản họp gia đình với nội dung thỏa thuận về việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A và bà L đồng ý cho ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng đất do cụ V và cụ B chết để lại (bút lục số 89) có đầy đủ chữ ký của các bên, có người làm chứng là ông Lê Văn Đồng và ông Đặng Văn Thạch ký xác nhận chứng kiến và có xác nhận của chính quyền địa phương. Trên cơ sở đó ông N kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện CT, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy ngày 22/7/1998. Tuy nhiên, tại thời điểm năm 1998 bà L chỉ mới 15 tuổi, việc bà định đoạt nhường quyền thừa kế quyền sử dụng đất là bất động sản cần phải đăng ký quyền sử dụng đất, phải có người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ đồng ý bằng văn bản thì sự định đoạt này mới có giá trị pháp lý (khoản 4 Điều 21 của Bộ

luật Dân sự năm 2015). Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện CT căn cứ vào “*Biên bản ngày 11.07.1998*” để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N và bà Chung Thị U là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà L.

Mặt khác, việc bà U chung sống với ông N vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn, nên việc công nhận quyền sử dụng đất cho bà U đứng tên cùng với ông N là chưa phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N, bà A và bà L đều là thành viên trong hộ sử dụng đất (Bút lục 165). Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất cho bà U là chưa đúng đối tượng, vì người thừa kế hợp pháp của ông N là anh Nguyễn Văn Đ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu của anh Đ đối với quyền thừa kế di sản của ông N.

[2.3] Tại sơ đồ đo vẽ của Công ty TNHH đo đạc bản đồ ACB không thể hiện rõ ràng phần đất đang có tranh chấp, không xác định ranh giới đối với căn nhà của bà Chung Thị U và nhà của bà Nguyễn Thị Cẩm A. Phần đất có 03 ngôi mộ có diện tích là bao nhiêu, không chừa lối đi vào khu mộ. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết cụ thể đối với toàn bộ phần đất có đánh chữ (A). Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử có vận động nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nộp tạm ứng chi phí để Tòa án tiến hành thẩm định nhưng bà A và bà L không đồng ý. Do vậy, những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, không khắc phục được.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, nên quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm A và bà Nguyễn Thị Cẩm L.

[4] Luật sư, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của cho rằng bản án sơ thẩm đã có nhiều sai sót, nhưng để tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ án, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, cần được thu thập chứng cứ, mới giải quyết triệt để những tranh chấp của các đương sự, mới đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại, khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 28/2020/DS - ST, ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang. Chuyển trả toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm A số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà A đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0005555 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà L đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0005556 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Hoàn lại cho bị đơn bà Chung Thị U số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà U đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0005541 ngày 25/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 11/01/2022.

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng